

Số: 3666/QĐ- ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 11 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của giảng viên Trường Đại học Duy Tân

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Thông báo số 1163/TB-ĐHDT ngày 28/12/2011 về những tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đối với giảng viên đại học, cao đẳng và các đơn vị đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 7655/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công nhận Quyền Hiệu trưởng Trường đại học Duy Tân;

Theo Chủ trương của Ban Giám hiệu,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của giảng viên Trường đại học Duy Tân kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định 317/QĐ-ĐHDT ngày 28/3/2009 về việc điều chỉnh, bổ sung quy định về chế độ, kinh phí, quy trình thực hiện hoạt động khoa học công nghệ Trường đại học Duy Tân.

**Điều 3.** Các đơn vị, tập thể và cá nhân thuộc Trường có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VP. HDQT (để báo cáo);
- Lưu: VT, P. QLKH.



HIỆU TRƯỞNG  
NGUYỄN. Lê Công Cơ

## QUY ĐỊNH

### Về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của giảng viên Trường Đại học Duy Tân

*(Ban hành theo Quyết định số: 3666 /QĐ-ĐHDT ngày 01 tháng 11 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân)*

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định các hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của Trường đại học Duy Tân, bao gồm:

- Định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ;
- Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ;
- Khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng đối với cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên được xếp vào chức danh giảng viên của Trường đại học Duy Tân và các tổ chức, cá nhân bên ngoài tham gia hoạt động KH&CN trong Trường.

#### **Điều 2. Vị trí, vai trò của hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Hoạt động KH&CN là một trong hai nhiệm vụ cốt lõi của Trường đại học Duy Tân.
2. Hoạt động khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao của Trường đại học Duy Tân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước.

#### **Điều 3. Mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Hoạt động KH&CN nhằm tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp, sản phẩm mới, góp phần hình thành và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) cho cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, người học và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.
2. Ứng dụng tri thức, công nghệ mới và tạo ra giải pháp mới phục vụ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước, góp phần tạo cơ sở cho hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

#### **Điều 4. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ**



Để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm học của giảng viên, Trường quy định các nội dung hoạt động KH&CN cụ thể như sau:

1. Các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học đáp ứng được yêu cầu sử dụng tại trường trở lên.
2. Kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học có chỉ số ISSN trong nước và quốc tế.
3. Kết quả nghiên cứu được công bố trong hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phản biện khoa học (có chỉ số ISBN) hoặc có báo cáo khoa học tại Hội nghị nghiên cứu khoa học thường niên do trường tổ chức.
4. Hướng dẫn sinh viên/nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học hoặc khởi nghiệp được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt.
5. Tham gia bồi dưỡng đội tuyển tham dự các kỳ thi cấp quốc gia/quốc tế đạt kết quả từ khuyến khích trở lên.
6. Giáo trình/sách chuyên khảo/sách tham khảo để phục vụ giảng dạy trong trường và được xuất bản toàn quốc.
7. Ngân hàng câu hỏi đề thi kết thúc học phần phục vụ cho kiểm tra đánh giá đào tạo của Trường.
8. Tham gia cùng các tổ chức khác trong và ngoài nước về hoạt động KH&CN.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của giảng viên**

1. Giảng viên có trách nhiệm đăng ký, thực hiện, báo cáo tiến độ định kỳ và đảm bảo nghiệm thu đúng thời gian đã đăng ký.
2. Giảng viên chịu trách nhiệm cá nhân về mặt học thuật đối với các kết quả nghiên cứu của mình.
3. Tôn trọng các nguyên tắc về đạo đức nghiên cứu, phải tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, tuân thủ các quy định về trích dẫn nguồn tư liệu theo các quy định và chuẩn mực quốc tế, không ngụy tạo số liệu và tư liệu gốc.
4. Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định về tài chính.
5. Đối với giảng viên có trình độ tiến sĩ:
  - 5.1 Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, hàng năm phải có ít nhất 01 công bố khoa học trên tạp chí thuộc danh mục tạp chí ISI/Scopus.
  - 5.2 Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, hàng năm phải có ít nhất 01 công bố khoa học trên tạp chí thuộc danh mục tạp chí Scopus hoặc công bố trong

hội nghị quốc tế thường niên (đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phần biên khoa học (có chỉ số ISBN)).

6. Giảng viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm học, nếu trong năm học đó giảng viên được Ban Thi đua đánh giá điểm hoạt động KH&CN đạt từ 5 điểm trở lên (theo văn bản số 1179/ĐHDT, ngày 06 tháng 9 năm 2017, Bảng đánh giá điểm tính cho hoạt động KH&CN).

7. Giảng viên có trách nhiệm cung cấp minh chứng kết quả khoa học về phòng Quản lý khoa học (QLKH) trước ngày 20/6 hàng năm.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của khoa và bộ môn**

1. Hàng năm, khoa phải tổ chức cho **100% giảng viên** thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ được quy định tại **Điều 4**.

2. Hội đồng khoa/Bộ môn có nhiệm vụ xây dựng các định hướng nghiên cứu và hình thành các nhóm nghiên cứu nhằm đảm bảo yêu cầu phát triển chuyên môn của ngành/lĩnh vực đang quản lý.

3. Khoa có nhiệm vụ thiết lập và mở rộng hợp tác với các viện, trường, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động NCKH.

4. Mỗi năm học, Khoa phải tổ chức Hội nghị Khoa học cấp khoa ít nhất một lần.

5. Khoa phối hợp với phòng QLKH, tổ chức kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện đề tài.

#### **Điều 7. Công nhận và quyết định hủy**

1. Công nhận đề tài cấp cơ sở

Chậm nhất là **15 ngày** kể từ ngày nghiệm thu, chủ nhiệm đề tài hoàn thành đề tài đã được chỉnh sửa (nếu có) theo góp ý của Hội đồng nghiệm thu và nộp về phòng QLKH (2 quyển, 2 báo cáo chỉnh sửa có đầy đủ chữ ký của Chủ tịch hội đồng và thư ký, gửi file mềm qua địa chỉ Email: [khn.dtu@duytan.edu.vn](mailto:khn.dtu@duytan.edu.vn)).

2. Quyết định hủy

Chủ nhiệm đề tài vi phạm một trong các điều kiện sau:

2.1. Không báo cáo tiến độ nghiên cứu định kỳ về phòng QLKH.

2.2. Đề tài trễ tiến độ so với thời gian đăng ký nhưng không nêu rõ nguyên nhân và không có báo cáo bằng văn bản gửi về phòng QLKH.

2.3. Đã có quyết định thôi việc.

2.4. Không nộp bản chỉnh sửa theo yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu về phòng QLKH theo đúng thời hạn quy định.

2.5. Đề tài được Hội đồng xác định là đạo văn.

### **Điều 8. Lưu trữ**

1. Đối với đề tài NCKH giảng viên, Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt loại *xuất sắc* sẽ được trưng bày tại các cuộc Hội nghị nghiên cứu khoa học cấp Trường và các cuộc triển lãm các công trình nghiên cứu khoa học.

2. Kết quả nghiên cứu khoa học sau khi được Hội đồng đánh giá đạt, chủ nhiệm chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng, kết quả được lưu trữ ở phòng QLKH và thư viện Trường.

3. Thời gian lưu trữ: xem Phụ lục.

### **Điều 9. Hồ sơ đăng ký và đánh giá**

#### 1. Hồ sơ đăng ký

- Bản đăng ký đề tài khoa học và công nghệ cấp trường.

- Bản cam kết.

#### 2. Hồ sơ đánh giá

- Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu;

- Văn bản phản biện độc lập;

- Đối với đề tài NCKH nộp 4 quyển báo cáo tổng kết; 4 báo cáo tóm tắt và các sản phẩm, tài liệu liên quan.

**Chương II**  
**CHẾ ĐỘ VỀ HOẠT ĐỘNG KH&CN**

**Điều 10. Mức hỗ trợ kinh phí**

Nhằm khuyến khích giảng viên thực hiện nghiên cứu khoa học, Nhà trường tính quy đổi số giờ chuẩn, đánh giá điểm tính cho hoạt động KH&CN, khen thưởng bằng tiền mặt tùy theo từng loại kết quả nghiên cứu và hỗ trợ kinh phí cho hội đồng đánh giá (gọi chung Hội đồng (HĐ)), cụ thể:

1. Định mức hỗ trợ kinh phí đối với thành viên trong Hội đồng

1.1. Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng Đề án mở ngành

<i>Trách nhiệm trong HĐ</i>	<i>Khu vực Đà Nẵng</i>	<i>Ngoài khu vực Đà Nẵng</i>
Chủ tịch	4 triệu đồng	5 triệu đồng
Phản biện	3 triệu đồng	4 triệu đồng
Ủy viên	2 triệu đồng	3 triệu đồng

1.2. Đánh giá giáo trình/sách chuyên khảo xuất bản toàn quốc

<i>Trách nhiệm trong HĐ</i>	<i>Khu vực Đà Nẵng</i>	<i>Ngoài khu vực Đà Nẵng</i>
Chủ tịch	1,2 triệu đồng	1,5 triệu đồng
Phản biện	1 triệu đồng	1,2 triệu đồng
Ủy viên	500 ngàn đồng	500 ngàn đồng

1.3. Đánh giá đề tài NCKH cấp Trường

<i>Trách nhiệm trong HĐ</i>	<i>Giảng viên trong trường</i>	<i>Giảng viên ngoài trường</i>
Chủ tịch	300 ngàn đồng	500 ngàn đồng
Phản biện	300 ngàn đồng	500 ngàn đồng
Ủy viên	200 ngàn đồng	300 ngàn đồng

1.4. Đánh giá đề tài NCKH SV

<i>Trách nhiệm trong HĐ</i>	<i>Thanh toán</i>
Chủ tịch	200 ngàn đồng
Phản biện	200 ngàn đồng
Ủy viên	100 ngàn đồng

1.5. Đánh giá nghiệm thu ngân hàng đề thi theo môn học

<i>Trách nhiệm trong HĐ</i>	<i>Thanh toán(*)</i>
Chủ tịch	200 ngàn đồng
Phản biện	200 ngàn đồng
Ủy viên	100 ngàn đồng

2. Định mức hỗ trợ giờ chuẩn và hỗ trợ khác

TT	Nội dung	Số giờ chuẩn	Hỗ trợ
1	Đề tài NCKH cấp trường được nghiệm thu	30	Kinh phí nguyên vật liệu do BGH xem xét hỗ trợ
2	Đề tài NCKH SV được nghiệm thu	10	Đề tài được đánh giá loại: -Xuất sắc:1,5 triệu đồng; -Tốt: 1triệu đồng; ' -Khá: 800 ngàn đồng; -Trung bình:500 ngàn đồng.
3	Bài báo đăng trên tạp chí có chỉ số ISSN trong nước thuộc danh mục tạp chí tính điểm do Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong tài liệu hướng dẫn xét công nhận đạt tiêu chuẩn giáo sư, phó giáo sư năm 2017	0	Bài báo đăng trên tạp chí được tính điểm: từ 0 -0,5 điểm :3 triệu đồng từ 0 -1 điểm: 5 triệu đồng
4	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN (nhưng không thuộc ISI, Scopus) hoặc kết quả khoa học đăng trong hội thảo khoa học quốc tế hoặc trong kỷ yếu hội thảo có chỉ số xuất bản ISBN		4 triệu – 8 triệu
5	Mỗi giáo trình/sách được hội đồng đánh giá nghiệm thu và đồng ý được xuất bản toàn quốc.	0	7 triệu đồng và kinh phí giấy phép xuất bản.

6	Sách xuất bản quốc tế (do nhà bản Springer/IGI/Willey/Elsevier		Thưởng bằng mức thường Q1
7	Ngân hàng câu hỏi đề thi	10	
	10 câu hỏi lý thuyết hoặc bài tập (có hướng dẫn trả lời)	02	Không
	50 câu hỏi trắc nghiệm (có hướng dẫn trả lời)	04	Không
	20 câu bài tập tình huống (có hướng dẫn trả lời)	02	Không
	100 câu hỏi ngắn hoặc câu hỏi dạng đúng/sai (có hướng dẫn trả lời)	02	Không
8	Kinh phí tham dự hội thảo		BGH xem xét
9	Kinh phí đăng bài trên tạp chí quốc tế		Thanh toán theo mức phí của tạp chí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu

Đối với những trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng xem xét quyết định.

#### **Điều 11. Khen thưởng**

a) Hội đồng Quản trị và Ban Giám hiệu, khen thưởng đối với cá nhân/tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN. Cụ thể:

- Mức thưởng đối với nhóm tác giả (hoặc cá nhân trong trường hợp chỉ có 01 người đứng tên đại học Duy Tân trong bài báo):

+ Q1 (SCI/SCIE): 40 triệu (bài báo có tác giả chính); bài báo chỉ có đồng tác giả: 15 triệu (nếu nhiều đồng tác giả thì chia ra: 15 triệu /số đồng tác giả đứng tên ĐHDT);

+ Q2: (SCI/SCIE): 30 triệu (bài báo có tác giả chính); bài báo chỉ có đồng tác giả: 12 triệu (nếu nhiều đồng tác giả thì chia ra: 12 triệu /số đồng tác giả đứng tên ĐHDT);

+ Q3: (SCI/SCIE): 20 triệu (bài báo có tác giả chính); bài báo chỉ có đồng tác giả: 7 triệu (nếu nhiều đồng tác giả đứng tên ĐHDT thì tổng số tiền chi trả cho các đồng tác giả không quá 9 triệu);



+ Scopus, SCI/SCIE (Q4): 16 triệu đối với bài báo có tác giả chính; bài báo chỉ có đồng tác giả 6 triệu (nếu nhiều đồng tác giả đứng tên ĐHDT thì tổng số tiền chi trả cho các đồng tác giả không quá 8 triệu);

+ Tạp chí quốc tế khác: 10 triệu đối với bài báo có tác giả chính; bài báo chỉ có đồng tác giả 4 triệu (nếu nhiều đồng tác giả đứng tên Trường đại học Duy Tân thì tổng số tiền chi trả cho các đồng tác giả không quá 6 triệu);

- Riêng đối với khối ngành kinh tế, xã hội được nhân thêm hệ số 1,2 (khi thưởng).

**b) Giải thưởng của người sáng lập trường**

Hàng năm nhà trường *xét khen thưởng và trao* “**Giải thưởng của người sáng lập trường**” cho những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học như sau:

+ Loại 1:

- Trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên và kỹ thuật, có năng suất công bố từ 7 bài báo trong danh mục tạp chí ISI/năm trở lên và là tác giả chính
- Trong lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn, có năng suất công bố từ 3 bài báo trong danh mục tạp chí ISI/năm hoặc từ 5 bài báo trong danh mục Scopus/năm trở lên và là tác giả chính.

Mức thưởng: 10.000USD (~ 225 triệu đồng)

+ Loại 2:

- Trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên và kỹ thuật, có năng suất công bố từ 5 bài báo trong danh mục tạp chí ISI/năm trở lên và là tác giả chính
- Trong lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn, có năng suất công bố từ 2 bài báo trong danh mục tạp chí ISI/năm hoặc từ 4 bài báo trong danh mục Scopus/năm trở lên và là tác giả chính.

Mức thưởng: 7.500USD (~ 168 triệu đồng)

+ Loại 3

- Trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên và kỹ thuật, có năng suất công bố từ 3 bài báo trong danh mục tạp chí ISI/năm trở lên và là tác giả chính
- Trong lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn, có năng suất công bố từ 1 bài báo trong danh mục tạp chí ISI/năm hoặc từ 3 bài báo trong danh mục Scopus/năm trở lên và là tác giả chính.

Mức thưởng: 5.000USD (~ 112 triệu đồng)

+ Loại 4:

- Trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên và kỹ thuật, có năng suất công bố từ 2 bài báo trong danh mục tạp chí ISI/năm trở lên và là tác giả chính.
- Trong lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn, có năng suất công bố từ 2 bài báo trong danh mục Scopus/năm trở lên và là tác giả chính.

Mức thưởng: 2.000USD (~ 45 triệu đồng)

Ngoài ra, giải thưởng của người sáng lập trường sẽ trao mức thưởng từ 5000USD – 20.000USD (~112 triệu đồng–450 triệu đồng) cho trường hợp đặc biệt xuất sắc trong nghiên cứu khoa học.

### **Chương III** **QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

#### **Điều 12. Chủ sở hữu quyền SHTT (Sở hữu trí tuệ)**

1. Trường ĐHDT là chủ sở hữu quyền SHTT của tài sản trí tuệ do cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng, sinh viên, học viên cao học của Trường sáng tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

- a. Sử dụng ngân sách của Nhà Trường hoặc hợp tác quốc tế thông qua Trường.
- b. Sử dụng thời gian làm việc của Trường.
- c. Sử dụng cơ sở vật chất của Trường.
- d. Nhà trường giao nhiệm vụ cho cán bộ, viên chức, đơn vị thuộc Trường thực hiện.
- e. Nhà trường ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm.

2. Trường đại học Duy Tân (ĐHDT) là chủ sở hữu quyền SHTT đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra do cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng và lao động hợp đồng khi ký hợp đồng làm việc với Trường, phải cam kết bằng văn bản nếu có sản phẩm trí tuệ sáng tạo ra, quyền sở hữu các sản phẩm đó thuộc về Trường đại học Duy Tân.

#### **Điều 13. Các sản phẩm trí tuệ**

Các sản phẩm trí tuệ do Trường quản lý bao gồm:

1. Tác phẩm khoa học, sách, giáo trình, bài giảng, bài báo được thể hiện dưới dạng chữ viết, hình ảnh hoặc ký tự khác.
2. Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến công trình khoa học.
3. Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.
4. Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự.
5. Tên Trường, logo, nhãn hiệu sản phẩm, dịch vụ của Trường.

6. Kết quả các công trình kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
7. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh.
8. Sáng chế; giải pháp hữu ích; Kiểu dáng công nghiệp; Linh kiện, máy móc, thiết bị mới chế tạo.
9. Giống cây trồng, vật nuôi.
10. Các sản phẩm khác theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

#### **Điều 14. Quyền tác giả**

Tác giả và đồng tác giả được ghi tên là tác giả trong văn bằng chứng nhận; được nêu tên là tác giả trong tài liệu công bố.

#### **Điều 15. Quản lý và sử dụng sản phẩm trí tuệ**

1. Trường đại học Duy Tân có quyền quản lý, quyền sử dụng, cho phép người khác sử dụng; chuyển nhượng quyền sở hữu; chuyển quyền sử dụng đối với các sản phẩm trí tuệ thuộc sở hữu của Trường theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định khác có liên quan của Nhà nước và của Trường đại học Duy Tân.

2. Các sản phẩm trí tuệ thuộc sở hữu của Trường khi công bố phải ghi đầy đủ tên Trường đại học Duy Tân, địa chỉ của Trường.

3. Đối với bằng sáng chế, tác giả được đứng tên tác giả và được nhận thù lao theo tỉ lệ khi các sản phẩm trí tuệ này đã được nghiệm thu và thương mại hóa (sau khi trừ đi các khoản chi phí hợp lý và hợp lệ) cụ thể như sau:

a) Trường hợp tác giả hoặc nhóm tác giả làm việc tại Trường đại học Duy Tân dưới 2 năm (căn cứ hợp đồng làm việc, hợp đồng hợp tác):

Nội dung	Tác giả (Nhóm tác giả)	Trường ĐH Duy Tân
Ý tưởng	25%	0%
Thiết kế	10%	15%
Hoàn thiện sản phẩm	10%	15%
Thương mại hóa	10%	15%

b) Trường hợp tác giả hoặc nhóm tác giả làm việc tại Trường đại học Duy Tân trên 2 năm (căn cứ hợp đồng làm việc, hợp đồng hợp tác):

Nội dung	Tác giả (Nhóm tác giả)	Trường ĐHTD
Ý tưởng	20%	5%
Thiết kế	10%	15%
Hoàn thiện sản phẩm	10%	15%
Thương mại hóa	5%	20%

c) Trường hợp đề tài nghiên cứu chưa được chuyển giao hoặc thương mại hóa thì thù lao cho tác giả hoặc nhóm tác giả được quy định như sau:

- Ý tưởng và thiết kế (50%): tỷ lệ phân chia như các trường hợp quy định tại điểm a, b.

- Hạng mục hoàn thiện sản phẩm (50%): Trường hợp giữ 25% cho đến khi đưa sản phẩm ra thị trường; 25% còn lại được phân chia như sau:

+ Tác giả hoặc nhóm tác giả 10%, Trường 15% (nếu hợp tác giả hoặc nhóm tác giả làm việc tại Trường đại học Duy Tân dưới 2 năm).

+ Tác giả hoặc nhóm tác giả 5%, Trường 20% (nếu hợp tác giả hoặc nhóm tác giả làm việc tại Trường đại học Duy Tân trên 2 năm).

d) Trong trường hợp có hợp tác và hỗ trợ từ các nguồn khác, phân chia sở hữu trí tuệ sẽ phụ thuộc vào tỷ lệ đầu tư của bên thứ ba theo một hợp đồng độc lập. Phần sở hữu trí tuệ do đầu tư từ Trường đại học Duy Tân sẽ được phân chia theo tỷ lệ nêu trên.

e) Trường hợp giá trị thương mại của sản phẩm trí tuệ được dùng để góp vốn khi thành lập hoặc tham gia các công ty liên doanh với Trường sẽ do Hội đồng quản trị Trường đại học Duy Tân đánh giá. Việc phân chia lợi nhuận vẫn được áp dụng theo các điểm a, b, c, d Điều này tùy theo từng trường hợp cụ thể.

f) Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả hoặc đồng tác giả tồn tại trong thời hạn sản phẩm được bảo hộ.

#### **Điều 16. Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ**

1. Trường đại học Duy Tân khuyến khích việc đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả của các đề tài nghiên cứu.

2. Việc đăng ký sở hữu trí tuệ được thực hiện theo quy trình sau:

a) Tác giả nộp hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ về Phòng QLKH;

b) Phòng QLKH:

- Rà soát lại hồ sơ trong thời gian 10 ngày.

- Trường hợp đơn đăng ký không đúng theo quy định, yêu cầu người nộp đơn sửa chữa, bổ sung trong thời hạn 15 ngày kể ngày yêu cầu.

- Lập hồ sơ trình Hiệu trưởng ký đơn đăng ký sở hữu trí tuệ.

- Nộp hồ sơ đăng ký và phí đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phối hợp với các cá nhân, tổ chức có liên quan để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.

- Thường xuyên liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để theo dõi tiến trình giải quyết hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ.

c) Lệ phí nộp bản quyền Sở hữu Trí tuệ do Trường đại học Duy Tân đóng.

#### **Điều 17. Khai thác và sử dụng sản phẩm trí tuệ của Trường**

Trường DHDT cùng với tác giả tìm các biện pháp để khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm trí tuệ. Trường phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tác giả có thể triển khai ứng dụng hoặc thương mại hoá các sản phẩm trí tuệ.

### **Chương IV**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 18. Xử lý vi phạm**

1. Kể từ năm học 2017-2018, giảng viên có trình độ thạc sỹ trở lên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học sẽ bị xử lý như sau:

- Năm 1 (Năm học 2017-2018) không tham gia nghiên cứu khoa học: Chỉ được phép giảng dạy tối đa 400 giờ/năm;
- Năm 2 (Năm học 2018-2019) tiếp tục không tham gia nghiên cứu khoa học: Chỉ được phép giảng dạy tối đa 360 giờ/năm;
- Năm 3 (Năm học 2019-2020) tiếp tục không tham gia nghiên cứu khoa học: buộc thôi việc;

(Lưu ý: Tất cả các giảng viên phải tự viết đơn cam kết thực hiện như trên)

2. Đối với Tiến sĩ không hoàn thành nhiệm vụ khoa học công nghệ: Không được tham gia vào bất kỳ Hội đồng đánh giá khoa học của Trường và hạ một bậc thi đua.

3. Giảng viên không tham gia hoạt động khoa học công nghệ: Không được tham gia trong các Hội đồng đánh giá (Luận án, luận văn, khóa luận, đề tài,...).

#### **Điều 19. Tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường**

1. Xác định danh mục đề tài NCKH cấp cơ sở

- Cán bộ giảng viên đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học với khoa. Thời gian do các khoa quy định.
- Khoa thành lập hội đồng duyệt đề xuất đề tài NCKH cấp cơ sở (Hội đồng được chia theo chủ đề; mỗi hội đồng bao gồm 05 thành viên, trong đó: 01 thành viên thuộc phòng QLKH, 02 thành viên thuộc Khoa có giảng viên thực hiện đề tài, 02 thành viên không thuộc khoa có giảng viên thực hiện đề tài.)
- Hội đồng chỉ làm việc khi có ít nhất 4/5 thành viên, đồng thời thư ký và chủ tịch phải có mặt.

2. Trường tổ chức xét duyệt đề cương đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, giao đề tài cho chủ nhiệm đề tài:
  - Chủ nhiệm của những đề tài có trong danh mục được duyệt ở cấp Khoa, viết thuyết minh đề tài, bản tổng hợp thông tin về phòng QLKH.
  - Nhà trường thành lập hội đồng chuyên gia xét duyệt đề cương đề tài NCKH cấp cơ sở.
  - Thông báo kết quả xét duyệt thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên.
  - Nhà trường tổ chức họp Hội đồng về việc phân bổ kinh phí, giao đề tài cho chủ nhiệm đề tài.
  - Ký hợp đồng triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sởSau khi đề tài được phê duyệt, nhà trường tiến hành ký hợp đồng triển khai thực hiện đề tài với chủ nhiệm đề tài theo thuyết minh đã được duyệt.
3. Triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở
  - Chủ nhiệm đề tài triển khai thực hiện đề tài theo đề cương đã được duyệt.
  - Kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được trình bày trong báo cáo tổng kết đề tài.
4. Tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài
  - Việc tổ chức kiểm tra tiến độ đề tài do Hội đồng khoa học của khoa tổ chức dưới sự giám sát của phòng QLKH.
  - Hội đồng khoa học khoa tổng hợp và gửi về phòng QLKH khi kết thúc đợt kiểm tra.
5. Tổ chức đánh giá đề tài NCKH cấp cơ sở ở cấp khoa
  - Nhóm đề tài nộp báo cáo tổng kết và thông tin tóm tắt kết quả nghiên cứu (yêu cầu nộp 05 bản in).
  - Hội đồng nghiệm thu của khoa nhận xét, đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.
  - Căn cứ kết quả đánh giá của hội đồng, khoa xét chọn các đề tài gửi tham gia xét giải thưởng cán bộ giảng viên nghiên cứu khoa học cấp trường.
6. Tổ chức đánh giá đề tài NCKH của cán bộ giảng viên ở cấp trường  
Nhà trường thành lập hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên để nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành, tính điểm thi đua và tham gia xét giải thưởng giảng viên nghiên cứu khoa học cấp trường.

## **Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và ban hành. Những quy định trước đây trái với quy định này không còn hiệu lực.

2. Trong quá trình thực hiện, Hiệu trưởng Trường đại học Duy Tân có thể sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Các hình thức NCKH của giảng viên do cá nhân/tập thể ở Trường tham gia phải có ghi thông tin cá nhân và Trường đại học Duy Tân.

4. Đánh giá kết quả hoạt động KH&CN hàng năm và khuyến khích cho từng cá nhân căn cứ vào tỷ lệ phần trăm (%) đóng góp của cá nhân và số lượng thành viên tham gia vào kết quả đó.

5. Phòng QLKH xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện đề tài; căn cứ bảng đánh giá điểm tính cho hoạt động KH&CN, văn bản đánh giá tỷ lệ % đóng góp trong kết quả khoa học đánh giá và gởi điểm thi đua về Ban thi đua trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

7. Hội đồng Khoa, phối hợp với Phòng QLKH tổ chức buổi báo cáo tiến độ định kỳ thực hiện đề tài (3 tháng/lần).

Quy định này thay thế cho quy định đã ban hành theo Quyết định số 317/ĐHDT ngày 28/03/2009 và được áp dụng kể từ năm học 2017-2018./.

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng;
- Các đơn vị chức năng có liên quan;
- Lưu: VP, P.QLKH.

HIỆU TRƯỞNG *Phan*



NGƯT. Lê Công Cơ